

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết việc xét công nhận, hủy bỏ công nhận
đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư**

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư (GS), phó giáo sư (PGS), cụ thể như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TRÌNH KHOA HỌC QUY ĐỔI, SỬ DỤNG

THÀNH THẠO NGOẠI NGỮ, THÂM NIÊN ĐÀO TẠO

Điều 1. Các loại công trình khoa học quy đổi

- Các loại công trình khoa học quy đổi bao gồm: bài báo khoa học đã được công bố; báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia, quốc tế; sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản; chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) đã được nghiệm thu; hướng dẫn nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.
- Chất lượng mỗi loại công trình khoa học quy đổi nêu tại khoản 1 Điều này được tính bằng điểm quy đổi.
- Các công trình khoa học đã công bố có nội dung trùng lặp chỉ được tính điểm quy đổi một lần. Bài đăng báo và sách phổ biến khoa học, bản tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, nhận xét, đánh giá, dịch thuật không được tính là công trình khoa học quy đổi.

Điều 2. Bài báo khoa học đã được công bố

- Bài báo khoa học đã được công bố bao gồm: bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học, báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế, kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ.

Bài báo khoa học đã được công bố phải thể hiện rõ ý tưởng khoa học, tính thời sự của vấn đề nghiên cứu, tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế (nếu có), các nội dung cần thiết, những đóng góp chính về lý thuyết và ứng dụng; phương pháp, phương tiện nghiên cứu, nguồn tư liệu trích dẫn và tài liệu tham khảo.

2. Tính điểm quy đổi cho mỗi bài báo khoa học đã được công bố chủ yếu dựa vào chất lượng khoa học của chính bài báo, có tham khảo uy tín khoa học của tạp chí công bố bài báo khoa học đó. Mỗi bài báo khoa học được tính từ 0 đến 1 điểm; chỉ bài báo khoa học nào đặc biệt xuất sắc, đăng trên các tạp chí có uy tín khoa học hàng đầu ở trong nước và quốc tế mới có thể được tính đến 2 điểm.

Hội đồng Chức danh giáo sư (HĐCDGS) ngành, liên ngành đề nghị danh sách các tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm, trình HĐCDGS nhà nước quyết định.

3. Báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được chọn đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học của hội thảo, có phản biện khoa học được tính từ 0 đến 1 điểm. Nếu tuyển tập công trình khoa học được công bố ở Việt Nam thì phải có giấy phép xuất bản.

4. Kết quả ứng dụng khoa học được cấp bằng phát minh, sáng chế; giải thưởng quốc gia, quốc tế về ngành kiến trúc, nếu chưa được tính điểm ở các công trình khoa học quy đổi khác thì được tính từ 0 đến 1 điểm; trong trường hợp đặc biệt xuất sắc thì có thể được tính đến 1,5 điểm. Nếu có nhiều tác giả thì số điểm được chia đều cho các tác giả.

5. Đối với các ngành nghệ thuật, thể dục thể thao, bài báo khoa học đã được công bố được tính điểm công trình khoa học quy đổi do HĐCDGS ngành, liên ngành đề nghị và HĐCDGS nhà nước xác định cụ thể phù hợp với từng ngành.

Điều 3. Sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản

1. Sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản được tính điểm công trình khoa học quy đổi là sách đáp ứng các tiêu chuẩn khoa học, tính sư phạm, đang được sử dụng để giảng dạy, giáo dục từ trình độ đại học trở lên, có nội dung phù hợp với chuyên ngành của ứng viên, đã được xuất bản và nộp lưu chiểu trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS, bao gồm:

a) Sách chuyên khảo là kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề khoa học chuyên ngành của ứng viên, được cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) sử dụng để đào tạo từ trình độ đại học trở lên, được tính từ 0 đến 3 điểm.

b) Giáo trình là tài liệu giảng dạy, học tập phù hợp với chương trình GDĐH, được thủ trưởng cơ sở GDĐH duyệt, lựa chọn hoặc được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt được tính từ 0 đến 2 điểm.

c) Sách tham khảo là sách được cơ sở GDĐH dùng làm sách tham khảo cho giảng viên và người học, có nội dung phù hợp với chương trình GDĐH được tính từ 0 đến 1,5 điểm.

d) Sách hướng dẫn là sách được cơ sở GDĐH dùng làm tài liệu hướng dẫn người học vừa học vừa làm, học từ xa, tự học có hướng dẫn; tài liệu hướng dẫn thực tập môn học, tài liệu thực tập theo giáo trình, thực tập trong bệnh viện, thực tập trong cơ sở sản xuất được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 1 điểm. Từ điển chuyên ngành được tính điểm như sách hướng dẫn.

2. Sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản do tập thể biên soạn thì người chủ biên (nếu có) được tính 1/5 số điểm công trình đã được tính cho cuốn sách đó, 4/5 số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của từng người tham gia viết, kể cả người chủ biên nếu trực tiếp tham gia viết sách.

Điều 4. Chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu

1. Chủ nhiệm chương trình NCKH cấp nhà nước được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 1,5 điểm; phó chủ nhiệm chương trình và thư ký mỗi người được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 0,5 điểm.

2. Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp nhà nước được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 1,25 điểm.

3. Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp bộ hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đề tài nhánh cấp nhà nước được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 0,5 điểm.

4. Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 0,25 điểm.

5. Đề tài NCKH đối với các ngành khoa học cơ bản (đề tài nghiên cứu cơ bản) được công nhận như đề tài cấp bộ để tính điều kiện cần theo quy định tại khoản 4 Điều 9 và khoản 5 Điều 10 của Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg và không được tính điểm công trình khoa học quy đổi.

Điều 5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ,

1. Hướng dẫn nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ được tính hoàn thành khi nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ hoặc đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ, học viên cao học đã được cấp bằng thạc sĩ hoặc đã có quyết định cấp bằng thạc sĩ.

2. Chỉ tính điểm công trình khoa học quy đổi cho ứng viên hướng dẫn nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Hướng dẫn một nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ được tính 1 điểm. Nếu tập thể hướng dẫn thì người hướng dẫn chính được tính 2/3 điểm, người hướng dẫn phụ được tính 1/3 điểm. Nếu có từ 2 người hướng dẫn phụ trở lên thì số điểm 1/3 được chia đều cho những người hướng dẫn phụ.

3. Hướng dẫn chính hoặc phụ học viên cao học làm luận văn thạc sĩ:

a) Trước ngày 8 tháng 6 năm 2000, các ứng viên có quyết định hướng dẫn luận văn thạc sĩ cùng với một hoặc nhiều người khác, nhưng trong quyết định không ghi rõ là hướng dẫn chính hay phụ, có thể được xem là hướng dẫn chính nếu có xác nhận là đồng hướng dẫn chính của thủ trưởng cơ sở GDĐH.

b) Từ ngày 8 tháng 6 năm 2000 đến trước ngày 5 tháng 8 năm 2008, theo Quy chế đào tạo sau đại học ban hành theo Quyết định số 18/2000/QĐ-BGD&ĐT, mỗi luận văn thạc sĩ chỉ có một người hướng dẫn. Ứng viên hướng dẫn học viên cao học làm luận văn thạc sĩ cùng với một hoặc nhiều người khác không được tính là đã hướng dẫn chính một học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.

c) Từ ngày 5 tháng 8 năm 2008 trở đi, theo Quy chế đào tạo thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 45/2008/QĐ-BGD&ĐT (khoản 1 Điều 39), học viên cao học làm luận văn thạc sĩ có tối đa 2 người hướng dẫn nên trong quyết định phải ghi rõ ứng viên là hướng dẫn chính.

4. Ứng viên thuộc ngành Y, ngành Dược đã hướng dẫn chính thành công một bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc một dược sĩ chuyên khoa cấp II được xem là đủ điều kiện như đã hướng dẫn chính thành công một luận văn thạc sĩ và cần có đủ các minh chứng như quy định tại khoản 3 của Điều này.

Điều 6. Điểm công trình khoa học quy đổi để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS

1. Ứng viên là giảng viên thuộc biên chế của cơ sở GDĐH phải có đủ 12 điểm công trình khoa học quy đổi trở lên, trong đó:

a) Có ít nhất 3 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

b) Có ít nhất 6 điểm tính từ các bài báo khoa học đã được công bố, trong đó có ít nhất 1,5 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

c) Có ít nhất 3 điểm tính từ việc biên soạn sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản, trong đó có ít nhất 1,5 điểm tính từ biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo.

2. Ứng viên là giảng viên thỉnh giảng của cơ sở GDĐH phải có đủ 20 điểm công trình khoa học quy đổi trở lên, trong đó:

a) Có ít nhất 5 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

b) Có ít nhất 10 điểm tính từ các bài báo khoa học, trong đó có ít nhất 2,5 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

c) Có ít nhất 3 điểm tính từ việc biên soạn sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản, trong đó có ít nhất 1,5 điểm tính từ biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo.

3. Ứng viên thuộc các ngành Giáo dục, Tâm lý, Kinh tế, Luật, Ngôn ngữ, Quân sự, An ninh, Sử, Khảo cổ, Dân tộc học, Triết học, Xã hội học, Chính trị học, Văn học, Văn hoá phải có ít nhất 01 sách chuyên khảo viết một mình và có 01 giáo trình vừa là chủ biên vừa tham gia viết.

Điều 7. Điểm công trình khoa học quy đổi để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS

1. Ứng viên là giảng viên thuộc biên chế của cơ sở GDĐH phải có đủ 6 điểm công trình khoa học quy đổi trở lên, trong đó:

a) Có ít nhất 1,5 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

b) Có ít nhất 3 điểm tính từ các bài báo khoa học, trong đó có ít nhất 0,75 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ.

2. Ứng viên là giảng viên thỉnh giảng của cơ sở GDĐH phải có đủ 10 điểm công trình khoa học quy đổi trở lên, trong đó:

a) Có ít nhất 2,5 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

b) Có ít nhất 5 điểm tính từ các bài báo khoa học, trong đó có ít nhất 1,25 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ.

Điều 8. Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đào tạo

Báo cáo kết quả NCKH, công nghệ và đào tạo do ứng viên viết không quá 10 trang giấy khổ A4 dưới dạng một công trình khoa học tổng quan, nêu lên những ý tưởng chủ yếu và hướng nghiên cứu chính, những đóng góp và kết quả nổi bật trong NCKH, công nghệ và đào tạo. Ứng viên lựa chọn và liệt kê tối đa 5 công trình khoa học tiêu biểu nhất của bản thân.

Điều 9. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ

1. Ứng viên được xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS phải thành thạo 1 trong 5 ngoại ngữ: Anh, Đức, Nga, Pháp, Trung. Ứng viên xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS phải thành thạo 1 ngoại ngữ bất kỳ. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 trở đi, ứng viên xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS phải sử dụng thành thạo một ngoại ngữ phục vụ cho công tác chuyên môn và giao tiếp được bằng tiếng Anh.

2. Ứng viên được công nhận là sử dụng thành thạo ngoại ngữ phải đọc hiểu được các tài liệu chuyên môn viết bằng ngoại ngữ, viết được các bài báo chuyên môn bằng ngoại ngữ và trao đổi (nghe, nói) về chuyên môn bằng ngoại ngữ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg.

3. Những trường hợp sau đây được công nhận sử dụng thành thạo ngoại ngữ:

- a) Đã tốt nghiệp và được cấp bằng đại học hoặc bằng thạc sĩ ở nước ngoài, đã viết và bảo vệ luận án tiến sĩ bằng tiếng nước ngoài, có thời hạn không quá 5 năm tính từ khi được cấp bằng đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;
- b) Đã tốt nghiệp đại học ngoại ngữ và được cấp bằng cử nhân ngoại ngữ, thường xuyên sử dụng ngoại ngữ đó trong chuyên môn đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS;
- c) Ứng viên đang giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ.

4. HĐCDGS cơ sở và HĐCDGS ngành, liên ngành tổ chức đánh giá trình độ ngoại ngữ của tất cả các ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS không thuộc các trường hợp quy định ở khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

5. Trong trường hợp cần thiết, HĐCDGS ngành, liên ngành và HĐCDGS nhà nước có thể đánh giá lại trình độ ngoại ngữ của ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS thuộc diện đã được công nhận là sử dụng thành thạo ngoại ngữ quy định tại khoản 3 điều này.

HĐCDGS cơ sở, HĐCDGS ngành, liên ngành có thể mời chuyên gia về ngoại ngữ giúp xác định điều kiện sử dụng thành thạo ngoại ngữ của ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

Điều 10. Thâm niên đào tạo

1. Thâm niên đào tạo là thời gian làm nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy từ trình độ đại học trở lên tại các cơ sở GDĐH tính theo năm, tháng. Mỗi năm thâm niên gồm 12 tháng.

2. Đối với ứng viên là giảng viên thuộc biên chế của cơ sở GDĐH phải hoàn thành nhiệm vụ theo quy định về chế độ làm việc của giảng viên tính theo năm học tại Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đối với ứng viên là giảng viên thỉnh giảng:

a) Thời gian được tính thâm niên làm nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy từ trình độ đại học trở lên, gồm: thời gian trực tiếp giảng dạy trên lớp và thời gian hướng dẫn nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ, hướng dẫn học viên cao học làm luận văn thạc sĩ, hướng dẫn sinh viên làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp đại học.

b) Thời gian giảng dạy trực tiếp trên lớp để tính trong 1 năm thâm niên được quy đổi thành giờ chuẩn, nếu trong thời gian đó ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS thực hiện đủ 120 giờ chuẩn, ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS thực hiện đủ 90 giờ chuẩn thì được tính 1 năm thâm niên đào tạo. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 trở đi, ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS phải thực hiện đủ 190 giờ chuẩn, ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS phải thực hiện đủ 170 giờ chuẩn.

4. Khi xác nhận thâm niên đào tạo cho giảng viên, Thủ trưởng cơ sở GDĐH phải xác nhận rõ nhiệm vụ giao cho giảng viên thuộc biên chế và giảng viên thỉnh giảng, ghi rõ tên môn học, nội dung và yêu cầu giảng dạy, định mức giờ chuẩn giảng dạy, nhiệm vụ hướng dẫn luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp đại học, nhận xét về kết quả đào tạo gắn với thâm niên đào tạo và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên.

5. Thời gian ứng viên làm chuyên gia giáo dục ở các cơ sở GDĐH của nước ngoài được tính thâm niên đào tạo nếu có công hàm hoặc hợp đồng mời giảng của trường đại học nước ngoài, trong đó có ghi rõ nội dung công việc, thời gian giảng dạy tại trường và có quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cử đi làm chuyên gia giáo dục ở nước ngoài.